

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Thời điểm ngày 10/6/2024)

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
A. NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO				
TỔNG: 05 THỦ TỤC				
1. QUYẾT ĐỊNH 2695 NGÀY 28/07/2021 CỦA UBND TỈNH				
1	1	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QĐ 2695	
2	2	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QĐ 2695	
3	3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại	QĐ 2695	
4	4	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QĐ 2695	
5	5	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học	QĐ 2695	
B. NGÀNH LAO ĐỘNG - TB&XH				
TỔNG: 47 THỦ TỤC				
1. QUYẾT ĐỊNH 2604 NGÀY 05/08/2019 CỦA UBND TỈNH;				
2. QUYẾT ĐỊNH 3747 NGÀY 22/11/2019 CỦA UBND TỈNH;				
3. QUYẾT ĐỊNH 3110 NGÀY 08/9/2021 CỦA UBND TỈNH;				
4. QUYẾT ĐỊNH 3402 NGÀY 11/10/2021 CỦA UBND TỈNH;				
5. QUYẾT ĐỊNH 680/QĐ-UBND ngày 27/03/2023 CỦA UBND TỈNH.				
6. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2110/QĐ-UBND NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH.				
7. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2111/QĐ-UBND NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH.				
8. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2109/QĐ-UBND NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH.				
I. Lĩnh vực Người có công (21 TTHC)				
6	1	Xét truy tặng danh hiệu Vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QĐ 3747	LT
7	2	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QĐ 3747	LT
8	3	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QĐ 3747	LT
9	4	Trợ cấp hàng tháng/ một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ 3747	LT
10	5	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	QĐ 3747	LT
11	6	Cấp giấy xác nhận thân nhân của Người có công	QĐ 2111	
12	7	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	QĐ 680	LT
13	8	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng Danh hiệu Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QĐ 680	LT
14	9	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QĐ 680	LT
15	10	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội công an	QĐ 680	LT
16	11	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QĐ 680	LT
17	12	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động TBXH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ	QĐ 680	LT
18	13	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QĐ 680	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
19	14	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 680	LT
20	15	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 680	LT
21	16	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt, tù đày	QĐ 680	LT
22	17	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QĐ 680	LT
23	18	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QĐ 680	LT
24	19	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ Đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QĐ 680	LT
25	20	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QĐ 680	LT
26	21	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QĐ 680	LT
II. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (22 TTHC)				
27	22	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 3110	LT
28	23	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QĐ 2109	LT
29	24	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh	QĐ 3110	LT
30	25	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QĐ 3110	LT
31	26	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QĐ 3110	LT
32	27	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QĐ 3747	LT
33	28	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QĐ 3110	LT
34	29	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QĐ 3747	LT
35	30	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 2604	
36	31	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 2604	
37	32	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QĐ 2604	
38	33	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 2604	
39	34	Đăng ký hoạt động đôi với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ 2604	
40	35	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 3110	LT
41	36	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 3110	LT
42	37	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm	QĐ 2111	
43	38	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	QĐ 2111	
44	39	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	QĐ 2111	
45	40	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.	QĐ 2111	
46	41	Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	QĐ 2110	
47	42	Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo	QĐ 2110	
48	43	Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là con, bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của người hưởng chính sách bảo trợ xã hội	QĐ 2110	
III. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)				

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
49	44	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QĐ 2604	
50	45	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QĐ 2604	
51	46	Áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	QĐ 3747	LT
IV. Lĩnh vực Việc làm (01 TTHC)				
52	47	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	QĐ 3402	LT
C. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TỔNG: 09 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2708 NGÀY 12/08/2019 CỦA UBND TỈNH				
V. Lĩnh vực Đường thủy nội địa (09 TTHC)				
53	1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2708	
54	2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2708	
55	3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QĐ 2708	
56	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký	QĐ 2708	
57	5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký	QĐ 2708	
58	6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QĐ 2708	
59	7	Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QĐ 2708	
60	8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người	QĐ 2708	
61	9	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người	QĐ 2708	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
D. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỔNG: 13 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 3149 NGÀY 23/09/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH 3239 NGÀY 30/09/2019 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH 620 NGÀY 20/02/2020 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH 3157 NGÀY 21/09/2020 CỦA UBND TỈNH. 5. QUYẾT ĐỊNH 2567 NGÀY 06/10/2023 CỦA UBND TỈNH.				
VI. Lĩnh vực Thủy lợi (03 TTHC)				
62	1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 3149	
63	2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 3149	
64	3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QĐ 3149	
VII. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (05 TTHC)				
65	4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QĐ 3149	
66	5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QĐ 3149	
67	6	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QĐ 3149	
68	7	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QĐ 2567	LT
69	8	Trợ cấp ưu đãi, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QĐ 2567	LT
VIII. Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)				
70	9	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QĐ 620	
IX. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 TTHC)				
71	10	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QĐ 3149	
X. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (02 TTHC liên thông với cấp huyện)				
72	11	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QĐ 3239	LT
73	12	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QĐ 3239	LT
XI. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường (01 TTHC)				
74	13	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 3157	
D. NGÀNH NỘI VỤ TỔNG: 15 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3827 NGÀY 27/11/2019 CỦA UBND TỈNH				
XII. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (05 TTHC)				
75	1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QĐ 3827	
76	2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QĐ 3827	
77	3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QĐ 3827	
78	4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QĐ 3827	
79	5	Tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến"	QĐ 3827	
XIII. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)				
80	6	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	
81	7	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	
82	8	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
83	9	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	
84	10	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	
85	11	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa bàn một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	
86	12	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, phường, thị trấn	QĐ 3827	
87	13	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã, phường, thị trấn khác	QĐ 3827	
88	14	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ 3827	
89	15	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã, phường, thị trấn của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QĐ 3827	
E. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔNG: 29 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2379/QĐ-UBND NGÀY 10/12/2019 CỦA UBND TỈNH (03 TTHC). 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2469/QĐ-UBND NGÀY 26/9/2023 CỦA UBND TỈNH (09 TTHC). 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1910/QĐ-UBND NGÀY 11/8/2023 CỦA UBND TỈNH (16 TTHC).				
XIV. Lĩnh vực Đất đai (27 TTHC)				
90	1	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 1910	
91	2	Đăng ký biến động QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	QĐ 1910	
92	3	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ thân nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QĐ 1910	LT
93	4	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QĐ 1910	LT
94	5	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 1910	
95	6	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QĐ 1910	LT
96	7	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	QĐ 1910	LT
97	8	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	QĐ 1910	LT
98	9	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	QĐ 1910	LT
99	10	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QĐ 1910	LT
100	11	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QĐ 1910	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
101	12	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	QĐ 1910	LT
102	13	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QĐ 1910	LT
103	14	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	QĐ 1910	LT
104	15	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QĐ 1910	LT
105	16	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QĐ 1910	LT
106	17	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	QĐ 2379	
107	18	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QĐ 2469	
108	19	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "đồn điền đổi thửa" (đồng loạt)	QĐ 2469	
109	20	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QĐ 2469	
110	21	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2469	
111	22	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QĐ 2469	
112	23	Cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QĐ 2469	
113	24	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QĐ 2469	
114	25	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ 2469	
115	26	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân, giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	QĐ 2469	
116	27	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân.	QĐ 2469	
XV. Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)				
117	28	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 2379	Mới
118	29	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QĐ 2379	Sửa
F. NGÀNH TƯ PHÁP TỔNG: 45 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2352 NGÀY 16/06/2021 CỦA UBND TỈNH. 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/QĐ-UBND NGÀY 02/01/2024 CỦA UBND TỈNH. 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3509/QĐ-UBND NGÀY 30/8/2021 CỦA UBND TỈNH				
XVI. Lĩnh vực Hộ tịch (24 TTHC)				
119	1	Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến	QĐ 10	
120	2	Đăng ký khai sinh	QĐ 10	
121	3	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 10	
122	4	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QĐ 10	
123	5	Đăng ký khai sinh lưu động	QĐ 10	
124	6	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QĐ 10	LT
125	7	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QĐ 10	LT
126	8	Thủ tục đăng ký kết hôn	QĐ 10	
127	9	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	QĐ 10	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
128	10	Đăng ký kết hôn lưu động	QĐ 10	
129	11	Đăng ký khai tử	QĐ 10	
130	12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	QĐ 10	
131	13	Đăng ký khai tử lưu động	QĐ 10	
132	14	Đăng ký giám hộ	QĐ 10	
133	15	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QĐ 10	
134	16	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ 10	
135	17	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 10	
136	18	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ 10	
137	19	Đăng ký lại khai sinh	QĐ 10	
138	20	Đăng ký lại kết hôn	QĐ 10	
139	21	Đăng ký lại khai tử	QĐ 10	
140	22	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QĐ 10	
141	23	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QĐ 10	
142	24	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QĐ 10	
XVII. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)				
143	25	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 10	
144	26	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 10	
145	27	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QĐ 10	
XVIII. Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC)				
146	28	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QĐ 3509	
147	29	Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QĐ 3509	
148	30	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 3509	
149	31	Chứng thực di chúc	QĐ 3509	
150	32	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QĐ 3509	
151	33	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 3509	
152	34	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 3509	
153	35	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ 3509	
154	36	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 3509	
155	37	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 3509	
156	38	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ 3509	
XIX. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục Pháp luật (02 TTHC)				
157	39	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	
158	40	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	
XX. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (05 TTHC)				
159	41	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QĐ 3509	
160	42	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QĐ 3509	
161	43	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QĐ 3509	
162	44	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QĐ 3509	
163	45	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QĐ 2352	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
G. NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG: 09 THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH SỐ 3614 NGÀY 04/11/2019 CỦA UBND TỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 2933 NGÀY 10/11/2023 CỦA UBND TỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 992/QĐ-UBND NGÀY 15/04/2024 CỦA UBND TỈNH				
XXI. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (03 TTHC)				
164	1	Thông báo tổ chức lễ hội	QĐ 3614	
165	2	Xét tặng Danh hiệu Gia đình văn hóa hằng năm	QĐ 992	
166	3	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QĐ 992	
XXII. Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)				
167	4	Thông báo thành lập Thư viện đối với Thư viện cộng đồng	QĐ 2933	
168	5	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách Thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ 2933	
169	6	Thông báo chấm dứt hoạt động Thư viện cộng đồng	QĐ 2933	
XXIII. Lĩnh vực Thể dục, Thể thao (01 TTHC)				
170	7	Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	QĐ 3614	
XXIV. Lĩnh vực Gia đình (02 TTHC)				
171	8	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND xã theo đề nghị của cơ quan tổ chức, cá nhân	QĐ 992	
172	9	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QĐ 992	
H. NGÀNH THANH TRA TỔNG: 08 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 247 NGÀY 23/01/2024 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 23 NGÀY 05/01/2023 CỦA UBND TỈNH				
XXV. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (01 TTHC)				
173	1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVI. Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (01 TTHC)				
174	2	Giải quyết tố cáo tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVII. Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)				
175	3	Tiếp công dân tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVIII. Lĩnh vực Xử lý đơn (01 TTHC)				
176	4	Xử lý đơn tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXIX. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (04 TTHC)				
177	5	Kê khai tài sản thu nhập	QĐ 23	
178	6	Xác minh tài sản thu nhập	QĐ 23	
179	7	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QĐ 23	
180	8	Thực hiện việc giải trình	QĐ 23	
I. LIÊN THÔNG TTHC: ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, HƯỞNG CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG/HƯỞNG MAI TÁNG PHÍ TỔNG: 03 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1647 NGÀY 03/06/2019 CỦA UBND TỈNH				
181	1	Liên thông thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	QĐ 1647	LT
182	2	Liên thông thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	QĐ 1647	LT
183	3	Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	QĐ 1647	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
J. NGÀNH QUỐC PHÒNG				
TỔNG: 21 THỦ TỤC				
1. QUYẾT ĐỊNH 1291 NGÀY 07/10/2019 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; 2. QĐ 3648 NGÀY 04/09/2018 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG; 3. QĐ 1917 NGÀY 15/05/2019 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG, 4. QĐ 4576/QĐ-BQP ngày 06/11/2022 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG. □				
XXX. Lĩnh vực Động viên quân đội (02 TTHC)				
184	1	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	1
185	2	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	2
XXXI. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)				
186	3	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	QĐ 1291	3
XXXII. Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)				
187	4	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	QĐ 1291	4
188	5	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	QĐ 1291	5
XXXIII. Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự (07 TTHC)				
189	6	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự lần đầu	QĐ 1291	6
190	7	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	QĐ 1291	7
191	8	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự bổ sung	QĐ 1291	8
192	9	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	9
193	10	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	10
194	11	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự tạm vắng	QĐ 1291	11
195	12	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QĐ 1291	12
XXXIV. Lĩnh vực Chính sách (09 TTHC)				
196	13	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1291	
197	14	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>)	QĐ 1291	
198	15	Giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân trong nước kê khai, nhận chế độ	QĐ 3648	
199	16	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QĐ 1917	
200	17	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1917	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
201	18	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	QĐ 1917	
202	19	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	QĐ 1917	
203	20	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QĐ 4576	
204	21	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	QĐ 4576	
K. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ				
TỔNG: 03 THỦ TỤC				
1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 67 NGÀY 08/01/2020 CỦA UBND TỈNH				
XXXV. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 TTHC)				
205	1	Thông báo thành lập Tổ hợp tác	QĐ 67	
206	2	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	QĐ 67	
207	3	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	QĐ 67	
Tổng cộng: Có 13 Ngành; 35 Lĩnh vực; 207 Thủ tục hành chính				

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

sửa đổi

1

2

3

4

5

6

7

- 8
- 9
- 10
- 11
- 12
- 13
- 14
- 15

Mới
Mới
Mới

Mới

Mới

Mới

Mới

Mới

208

Mới
Sửa đổi

cùng cấp

